

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017303401 - SAP2000 H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040641	36CLC-CĐ	ấ ấ Gia B o	26/07/1994				8.0	4.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
2	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ấ ng Thanh B ấ nh	18/06/1994				6.0	6.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
3	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy ấ n H u C nh	07/10/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
4	3671040058	36CLC-CĐ	ấ ấ Nguy ấ n Cát	28/08/1994				9.0	7.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
5	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy ấ n V ấ nh C ấ ng	22/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671041895	36CLC-CĐ	Tr ấ n Kh ấ C ấ ng	21/05/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
7	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy ấ n T ấ ng Ch ấ nh	27/12/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
8	3671040068	36CLC-CĐ	Tr ấ n V ấ nh Du ấ n	06/02/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
9	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy ấ n Ti ấ D ấ ấ	16/08/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
10	3671041133	36CLC-CĐ	Tr ấ n Anh D ấ ấ	03/10/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
11	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H ấ i	12/01/1994				8.0	4.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
12	3671040857	36CLC-CĐ	VH ấ n H ấ i	14/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
13	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy ấ n Thanh Ho ấ ng	05/03/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
14	3671040736	36CLC-CĐ	T V ấ nh H ấ ấ	01/10/1993				10.0	5.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
15	3671041641	36CLC-CĐ	Ph ấ m S ấ n H ầ ng	02/04/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
16	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy ấ n Anh K ấ t	14/10/1994				5.0	5.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
17	3671040997	36CLC-CĐ	B ầ i Duy Kh ấ nh	23/07/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
18	3671041997	36CLC-CĐ	Ph ấ m M ấ c Quang Kh ầ u	13/08/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
19	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy ấ n ấ c L ầ nh	18/03/1994				7.0	5.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017303401 - SAP2000 H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m L i	19/03/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
21	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t Minh	09/04/1994				7.0	5.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
22	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u Nam	08/11/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
23	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ấ nh Nam	29/12/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
24	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n Hi u Nh ấ	29/04/1994				9.0	6.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
25	3671041850	36CLC-CĐ	B ấ L 2 Tu n Phong	07/01/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
26	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ấ Ph ấ	20/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Quang	14/07/1994				8.0	4.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
28	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ấ V ấ Sang	25/04/1994				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
29	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n S	09/01/1994				8.0	6.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
30	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n T ấ	19/03/1994				10.0	5.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
31	3671040457	36CLC-CĐ	H C ấ ng Tu n	13/10/1994				10.0	4.0		7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
32	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ấ ng Thanh	02/12/1993				9.0	6.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
33	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c Th ấ	23/08/1994				7.0	5.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
34	3671041945	36CLC-CĐ	L 2 Ti n Th ng	20/06/1992				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	N HP
35	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Trai	00/01/1900				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
36	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công Tri u	14/05/1994				8.0	5.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	

T ñg s : 36 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa